

CHƯƠNG 2:

VẬN DỤNG HỌC THUYẾT “TAM QUYỀN PHÂN LẬP” ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1 Khái quát về nhà nước pháp quyền XHCN.

2.1.1. Tính tất yếu khách quan về sự ra đời của nhà nước XHCN.

Đã nhiều thế kỷ, nhân dân lao động tiến hành những cuộc đấu tranh giải phóng khỏi sự bóc lột, bạo lực và sự bần cùng hóa về mặt vật chất và tinh thần và hy vọng tạo lập một xã hội với sự thống trị của lý trí, nhân đạo và công bằng.

Trong các truyền thuyết và trong nhiều công trình của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng đã chứa đựng các tư tưởng, ước mơ về một xã hội như vậy. ngay từ năm 1516, một trong những nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng Thomas Mor đã phác họa bức tranh về một nhà nước tốt lành trên hòn đảo Utopia (địa dư không tồn tại), nơi có sự thống trị của chế độ công hữu và là nơi tất cả mọi người đều lao động tự giác trong các điều kiện bình đẳng và dân chủ. Còn trong các tác phẩm nổi tiếng “Thành phố mặt trời” (thế kỷ XVII), nhà triết học người Ý Tomazio Kampanhela đã phác họa một xã hội

mà ở đó quyền lực nhà nước thuộc về các nhà thông thái, người cai trị xã hội một cách có lý trí, phù hợp với các quy luật của tự nhiên và lao động là điều kiện đảm bảo sự thịnh vượng cho mỗi con người.

Nhưng về con đường tạo lập một xã hội mới tốt đẹp hơn thì người ta không thể hình dung được một cách cụ thể và có khoa học, mà hy vọng vào sự anh minh của các vua chúa, vào chiến công của các vị anh hùng tráng sỹ, hoặc thậm chí họ tìm thấy phương tiện cải biến xã hội trong các biện pháp khủng bố. Những tư tưởng ấy rốt cuộc chỉ gieo rắc sự trông chờ thụ động hoặc xô đẩy một

bộ phận nhân dân dần thân vào những hành động phiêu lưu, hy sinh không cần thiết.

Chỉ đến khi những nhà kinh điển chủ nghĩa cộng sản khoa học trên cơ sở những phát hiện của mình về các quy luật phát triển khách quan của xã hội, tổng kết thực tế đấu tranh cách mạng, đưa ra một học thuyết lý luận khoa học về một xã hội XHCN với lý tưởng dân chủ, nhân đạo và công bằng, về các con đường, các biện pháp tạo lập xã hội ấy, thì khát vọng giải phóng của các tầng lớp cần lao mới có khả năng trở thành hiện thực.

Các nhà kinh điển chủ nghĩa cộng sản khoa học đã chứng minh rằng, cách mạng vô sản và sự ra đời của nhà nước vô sản là một tất yếu lịch sử. Tính tất yếu lịch sử này được quy định bởi quá trình phát triển đầy mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản từ khi nó được xác lập cho đến những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Chính chủ nghĩa đế quốc vào thời gian này đã thúc đẩy sự chín muồi cho sự bắt đầu một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên bão tố và những biến đổi cách mạng. Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ cách mạng vô sản và kết quả của nó là sự ra đời của nhà nước vô sản chính là các tiền đề kinh tế, chính trị và xã hội phát sinh ngay trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa.

*** Tiền đề kinh tế:** Vào cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tỏ ra bất lực trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế và cứu vãn nền kinh tế tư bản khỏi các hậu quả nặng nề của khủng hoảng kinh tế - xã hội. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa theo kiểu truyền thống đã không còn phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất ngày càng trở nên gay gắt, đòi hỏi cần phải có những cải biến cách mạng để cải tạo, xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa cũ, thiết lập một kiểu quan hệ sản xuất mới phù hợp trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đó là kiểu quan hệ sản xuất XHCN dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Cuộc cách mạng nhằm cải biến các quan hệ sản

xuất tư bản tất yếu sẽ dẫn đến sự thay thế kiểu nhà nước tư sản bằng kiểu nhà nước – nhà nước vô sản.

* **Tiền đề xã hội:** Sự tích lũy tư bản và sự bóc lột dã man sức lao động làm thuê đã biến cùng hóa đời sống của giai cấp vô sản. Mâu thuẫn giữa lao động làm thuê và tư bản ngày càng trở nên gay gắt. Sự bất công xã hội cùng với các chính sách phản động, phản dân chủ của các thế lực cầm quyền tư sản đã dẫn xã hội tư sản đến sự phân hóa, chia rẽ sâu sắc. Mặt khác, nền sản xuất tư sản đã tạo những điều kiện làm cho giai cấp vô sản ngày càng phát triển nhanh cả về số lượng và tính tổ chức kỹ thuật, trở thành một giai cấp tiên bộ nhất của xã hội, có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo các tầng lớp nhân dân lao động tiến hành cuộc cách mạng để lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, thiết lập nên nhà nước của chính mình.

* **Tiền đề tư tưởng - chính trị:** Giai cấp công nhân có chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là vũ khí tư tưởng và lý luận sắc bén, là công cụ giúp nhận thức đúng đắn các quy luật vận động và phát triển của xã hội, là cơ sở lý luận để tổ chức, tiến hành cách mạng xây dựng nhà nước của mình và xã hội mới.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, các đảng cộng sản và công nhân đã được thành lập và trở thành đội tiên phong của giai cấp, lãnh đạo các phong trào cách mạng của quần chúng và trở thành nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản.

Ngoài những tiền đề trên, những yếu tố dân tộc và thời đại cũng tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng của giai cấp vô sản.

Dưới tác động của nhiều yếu tố khác nhau, cùng với mâu thuẫn của giai cấp vô sản cũng như của các tầng lớp lao động đối với giai cấp bóc lột, cách mạng vô sản cũng có thể xảy ra ở những nước có chế độ tư bản chủ nghĩa chưa phát triển cao hoặc trong các dân tộc thuộc địa.

2.1.2. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền – quy luật phát triển của nhà nước XHCN.

Nhà nước là một hiện tượng lịch sử, vì vậy nó luôn luôn thay đổi, phát triển. Là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng, vì vậy nó phải thay đổi phù hợp với sự phát triển của cơ sở kinh tế và phù hợp với các bộ phận khác của kiến trúc thượng tầng như chính trị, đạo đức, pháp luật, truyền thống, văn hóa...

Sự phát triển kinh tế thế giới hiện đại theo cơ chế thị trường, nhu cầu xây dựng một xã hội dân chủ, nhân đạo, công bằng, bác ái... ngày càng mạnh mẽ đặt ra đòi hỏi bức thiết phải đổi mới toàn diện ở các nước XHCN, trước hết là đổi mới về kinh tế. Trong xu hướng khách quan đó của thời đại, những nhà nước XHCN nào không kịp thời đổi mới tất yếu sẽ bị sụp đổ (như ở các nước XHCN Đông Âu và Liên Xô trước đây) hoặc sẽ suy yếu.

Do đó, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ta là vấn đề có tính quy luật, mà cơ sở của quá trình đó là đổi mới nền kinh tế theo cơ chế thị trường, nhưng đảm bảo sự điều tiết có hiệu quả của nhà nước. Phù hợp với cơ sở kinh tế và để thực hiện mục tiêu xây dựng một xã hội công dân với lý tưởng dân chủ, nhân đạo và công bằng, nhà nước ta phải là một nhà nước pháp quyền.

Trên cơ sở của những nghiên cứu khác nhau, có thể chỉ ra những đặc điểm cơ bản nhất của nhà nước pháp quyền như sau:

- Là nhà nước có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, trong đó các đạo luật có vai trò tối thượng; mọi cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, người có chức vụ và công dân đều phải tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật và bình đẳng trước pháp luật. Pháp luật ấy phải dễ hiểu, được dự liệu trước, khả thi và dễ tiếp cận tới mọi công dân.

- Là nhà nước trong đó không chỉ có công dân có trách nhiệm đối với nhà nước mà nhà nước phải có trách nhiệm đối với công dân. Khái niệm trách nhiệm

ở đây đúng theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, nghĩa là quan hệ giữa công dân và nhà nước là quan hệ bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm.

- Là nhà nước trong đó các quyền dân chủ tự do và lợi ích chính đáng của con người được pháp luật đảm bảo và bảo vệ toàn vẹn; mọi hành vi lạm quyền của bất cứ cơ quan nhà nước và người có chức vụ nào, cũng như mọi hành vi vi phạm pháp luật khác xâm phạm đến quyền tự do, lợi ích chính đáng của công dân đều bị nghiêm trị theo pháp luật bởi một hệ thống tư pháp độc lập và hiệu quả.

- Là nhà nước trong đó ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được phân định rõ ràng và hợp lý cho ba hệ thống cơ quan tương ứng trong mối quan hệ cân bằng, đối trọng, chế ước lẫn nhau, tạo thành cơ chế đồng bộ bảo đảm sự thống nhất của quyền lực nhà nước, thực hiện quyền lực nhân dân.

Nói khái quát nhất, nhà nước pháp quyền là nhà nước mà trong đó mọi chủ thể (kể cả nhà nước) đều tuân thủ nghiêm chỉnh, chịu phục tùng pháp luật – một pháp luật có tính pháp lý cao, phù hợp với lý trí, thể hiện đầy đủ những giá trị cao nhất của xã hội, của con người.

Như vậy, xây dựng nhà nước pháp quyền là xây dựng một nhà nước với lý tưởng dân chủ, nhân đạo và công bằng nhất, là nhà nước mà nhân dân nói chung cũng như mọi công dân nói riêng không chỉ là khách thể của quyền lực mà còn là chủ thể, hơn nữa là chủ thể tối cao. Đó là nơi mà lời tuyên ngôn “mọi quyền lực thuộc về nhân dân” trở thành hiện thực sinh động của đời sống chính trị; là nơi nhà nước, pháp luật thực sự bắt nguồn từ nhân dân, của nhân dân và phục vụ cho dân; là chế độ nhà nước mà công dân là trung tâm. Mặt khác, đó cũng là chế độ nhà nước được tổ chức văn minh và trật tự, có cơ chế an toàn và hiệu quả ngăn chặn mọi sự lạm quyền, vi phạm quyền công dân. Đó là nơi mọi tổ chức và hoạt động của nhà nước đều đặt trên cơ sở pháp luật, chịu sự “quản lý thống

nhất” của pháp luật, là một cơ chế phức tạp nhưng vận động một cách hài hòa, đồng bộ, đảm bảo sự thống nhất cao độ trong tổ chức quản lý xã hội.

2.2. Các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước XHCN

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước **XHCN** là những tư tưởng chỉ đạo làm nền tảng cho tổ chức và hoạt động của tất cả các cơ quan nhà nước và toàn bộ bộ máy nhà nước.

Hệ thống nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam rất đa dạng, những nguyên tắc này thường được ghi nhận trong các đạo luật cơ bản (Hiến pháp) và các luật về tổ chức các cơ quan nhà nước chủ yếu. Những nguyên tắc cơ bản đó là: Nguyên tắc đảm bảo quyền lực nhân dân trong tổ chức; nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng cộng sản Việt Nam với Nhà nước; nguyên tắc tập trung dân chủ; nguyên tắc pháp chế XHCN và nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc.

a). Nhân dân tổ chức nên bộ máy nhà nước và tham gia quản lý bộ máy nhà nước.

Đây là một trong những nguyên tắc quan trọng về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước biểu hiện tính chất dân chủ và nhân dân sâu sắc của bộ máy nhà nước XHCN. Nguyên tắc này phản ánh tư tưởng: Bộ máy nhà nước XHCN là của dân, do dân và vì dân. Thực hiện được nguyên tắc bảo đảm sự tham gia đông đảo của nhân dân lao động và quản lý nhà nước không những tạo ra khả năng phát huy sức lực và trí tuệ của nhân dân mà còn là một trong những phương pháp tốt để ngăn chặn tệ quan liêu, thói cửa quyền, chuyên quyền trong bộ máy nhà nước.

Nguyên tắc bảo đảm quyền tham gia của nhân dân vào quản lý nhà nước ở nước ta là nguyên tắc hiến định. Điều 53 Hiến pháp nước ta ghi rõ: “công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội”.

Nhân dân là người tạo ra bộ máy nhà nước thông qua việc bầu cử các đại diện của mình vào các cơ quan đại diện quyền lực nhà nước. Nhân dân tham gia vào quản lý nhà nước giữa các hình thức trực tiếp bỏ phiếu quyết định các vấn đề lớn trọng đại của địa phương, trực tiếp làm việc trong các cơ quan nhà nước, tham gia thảo luận các dự án luật, giám sát các đại biểu do mình bầu ra, các nhân viên và các cơ quan nhà nước.

Nhân dân tham gia quản lý nhà nước còn dưới hình thức gián tiếp thông qua các tổ chức xã hội. Ở nước ta, đó là các tổ chức chính trị - xã hội, hội tự nguyện, các cơ quan xã hội, các tổ chức kinh tế tập thể, các tổ chức tự quản và các tập thể lao động. Đó là những hình thức thu hút rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân tham gia quản lý công việc nhà nước và xã hội, phát huy tính tích cực chính trị và thỏa mãn lợi ích đa dạng của công dân.

Để có thể thực hiện nguyên tắc này trong cuộc sống, nhà nước ta cần tạo mọi điều kiện để nhân dân nâng cao trình độ văn hóa chính trị, văn hóa pháp luật, trình độ quản lý, trình độ văn hóa chung, đồng thời cần bảo đảm điều kiện vật chất và thông tin đầy đủ cho nhân dân biết tình hình mọi mặt của đất nước để cho họ trở thành chủ nhân thực sự của nhà nước.

b). Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với nhà nước.

Đảng cộng sản là bộ phận lãnh đạo trong hệ thống chính trị của XHCN, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh của nhà nước. Nhà nước XHCN là tổ chức thông qua đó, Đảng cộng sản thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với các quá trình phát triển của xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò quyết định đối với việc xác định phương hướng hoạt động của nhà nước XHCN, là điều kiện quyết định để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

Là tổ chức chính trị của giai cấp, Đảng có quyền lực chính trị, nhưng Đảng không quản lý nhà nước mà là lực lượng lãnh đạo chính trị đối với xã hội. Việc phân định rõ chức năng lãnh đạo của đảng và chức năng quản lý của nhà

nước hoàn toàn không có nghĩa là hạ thấp vai trò lãnh đạo của đảng mà là để chống hiện tượng tổ chức Đảng bao biện làm thay cơ quan nhà nước. Đồng nhất chức năng nhiệm vụ của Đảng với nhà nước sẽ dẫn đến tình trạng làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa làm suy yếu vai trò quản lý của nhà nước và quyền dân chủ của nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước là sự lãnh đạo chính trị. Đảng đề ra đường lối chính trị, những chủ trương, phương hướng lớn, những vấn đề quan trọng về tổ chức bộ máy và thông qua nhà nước chúng được thể chế hóa thành pháp luật. Đảng kiểm tra thực hiện đường lối, đào tạo cán bộ, giới thiệu đảng viên và những người ngoài đảng có đủ năng lực và phẩm chất và hoạt động trong các cơ quan nhà nước trên cơ sở tôn trọng các thể chế của nhà nước về tuyển dụng, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ. Đảng lãnh đạo bằng công tác giáo dục thuyết phục và bằng sự gương mẫu của cán bộ đảng viên. Đảng hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và theo đúng pháp luật.

Ở nước ta, nguyên tắc Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhà nước và xã hội là nguyên tắc hiến định. Điều 4 Hiến pháp Việt Nam 1980 đã ghi, và nay điều 4 Hiến pháp Việt Nam 1992 ghi rõ: “Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc theo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”

Trong điều kiện hiện nay, năng lực lãnh đạo của Đảng thể hiện trước hết ở việc xây dựng, sử dụng và phát huy vai trò của Nhà Nước trong quản lý đất nước, những việc lãnh đạo và thực hiện cuộc cải cách bộ máy Nhà nước. Hiệu quả quản lý của Nhà nước là tiêu chuẩn để đánh giá sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

c). Nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc quy định trước hết ở chế độ lãnh đạo tập trung, đồng thời thể hiện và bảo đảm sự kết hợp việc chỉ đạo tập trung thống nhất của cơ quan nhà nước ở trung ương và cơ quan Nhà nước cấp trên với mở rộng dân chủ rộng rãi phát huy tính tự chủ, sáng tạo, sáng kiến của cơ quan nhà nước ở địa phương và cơ quan nhà nước cấp dưới, mặt khác bảo đảm thực hiện chế độ trách nhiệm nghiêm túc của mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ trước công việc được giao. Nguyên tắc tập trung dân chủ không chỉ áp dụng cho quan hệ cấp trên cấp dưới mà còn áp dụng cho mỗi cấp trong cơ cấu tổ chức, cũng như trong cơ chế hoạt động của nó. Nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện ở các điểm chủ yếu sau:

Về mặt tổ chức, quyền lực nhà nước tập trung nhất vào nhân dân vì nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lợi của quyền lực nhà nước. Quyền lực ấy được nhân dân thực hiện một cách trực tiếp hoặc không qua bộ máy nhà nước mà cơ quan cao nhất thực hiện quyền lực nhà nước là Quốc hội – do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước nhân dân. Các cơ quan nhà nước khác đều bắt nguồn từ Quốc hội. Đến lượt mình các hệ thống cơ quan nhà nước khác (hành pháp, xét xử, kiểm sát) đều trực thuộc hoặc chịu sự chỉ đạo của một trung tâm cơ quan cao nhất của hệ thống mình.

Về mặt hoạt động, cơ quan nhà nước trung ương và nhà nước cấp trên quyết định những vấn đề quan trọng nhất về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Các cơ quan nhà nước ở địa phương và cơ quan nhà nước cấp dưới phải phục tùng cơ quan nhà nước cấp trên và trung ương. Trong phạm vi thẩm quyền, các cơ quan nhà nước địa phương và cơ quan nhà nước cấp dưới tự quyết định và chịu trách nhiệm về những vấn đề cụ thể của địa phương; các cơ quan nhà nước trung ương và cơ quan nhà nước cấp trên phải tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước địa phương và cơ quan nhà nước cấp dưới, phát huy quyền lực chủ động sáng tạo, sáng tạo của đất nước.

Nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi cấp trên phải thường xuyên kiểm tra cấp dưới thực hiện các quyết định và chỉ thị của cơ quan cấp trên; thực hiện chế độ thông tin báo cáo thường xuyên giữa cấp trên và cấp dưới, phải đảm bảo kỉ luật nghiêm minh trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Thực tiễn đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ cũng có nghĩa là phải kiên quyết đấu tranh với thói tập trung quan liêu, bệnh tự do vô tổ chức vô chính phủ.

Nguyên tắc tập trung dân chủ có nội dung chủ yếu như trên, nhưng khi thực hiện trong các cơ quan nhà nước khác nhau, trong các ngành và lĩnh vực khác nhau thì nó lại mang lại những tính chất và đặc điểm khác nhau. Thí dụ , việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong các cơ quan văn hóa – xã hội có những đặc điểm riêng khác với việc thực hiện những nguyên tắc này trong các cơ quan an ninh, quốc phòng. Hơn nữa, khi thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ phải giải xuất phát từ tình hình và nhiệm vụ của từng giai đoạn, tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội mà vận dụng cho thích hợp, không rập khuôn, máy móc. Thí dụ, khi đất nước đã chuyển sang trong thời kì xây dựng trong hòa bình thì không thể vận dụng nguyên tắc tập trung trong thời chiến tranh. Nguyên tắc tập trung dân chủ cần được bổ sung nội dung mới phù hợp với cuộc sống luôn biến đổi, năng động.

Như vậy, nghệ thuật quân sự vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ là tìm tỷ lệ kết hợp tối ưu hai mặt tập trung và dân chủ trong tổ chức và hoạt động của từng lĩnh vực, ngành cụ thể, trong từng giai đoạn, từng hoàn cảnh, thậm chí là từng vấn đề cụ thể.

Ở nước ta, nguyên tắc này được xác lập dưới hình thức chung trong Điều 6 Hiến pháp năm 1980 và nay trong Điều 6 Hiến pháp năm 1992: “Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của nhà nước đều được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ”.

d). Nguyên tắc pháp chế XHCN.

Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước phải được tiến hành theo đúng pháp luật, trên cơ sở pháp luật; Mọi các bộ và nhân viên nhà nước phải nghiêm chỉnh tôn trọng pháp luật khi thực hiện quyền hạn và quyền hạn của mình. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật cũng là một nội dung quan trọng của nguyên tắc pháp chế XHCN.

Thực hiện tốt nguyên tắc pháp chế là cơ sở pháp luật vững chắc đảm bảo cho sự hoạt động bình thường, đúng đắn của bộ máy nhà nước, phát huy hiệu quả, tăng cường hiệu lực của quản lý nhà nước, đảm bảo công bằng xã hội. Trong điều kiện một nước có trình độ phát triển kinh tế thấp, ý thức pháp luật của nhân dân chưa cao, hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, điều kiện giao thông liên lạc còn khó khăn, tàn dư của các tập tục lỗi thời còn nặng nề như nước ta thì càng phải kiên quyết thực hiện nguyên tắc pháp chế, chống tâm lý “phép vua thua lệ làng”. Chống chủ nghĩa địa phương, cục bộ, bản vị.

Ở nước ta, nguyên tắc pháp chế đã được quy định ở Điều 12, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế XHCN...”.

e). Nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc

Chính sách dân tộc là chính sách xã hội quan trọng luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam có quyền bình đẳng với nhau trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội và đều được Nhà nước quan tâm, giúp đỡ về mọi mặt để phát huy tài năng, sức lực và trí tuệ. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của

cộng đồng các dân tộc Việt Nam... Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số”. Điều 5 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định: “Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc”.

Trên đây chúng ta đã phân tích những nội dung chủ yếu của năm nguyên tắc cơ bản về tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước XHCN nói chung. Nhưng cần lưu ý rằng, trong từng loại cơ quan, các nguyên tắc này được cụ thể hóa và có những biểu hiện đặc trưng riêng.

Ngoài những nguyên tắc cơ bản trên, trong sách báo pháp lý người ta còn đưa ra những nguyên tắc khác về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước như: nguyên tắc công khai, nguyên tắc kế hoạch hóa, nguyên tắc bảo đảm kinh tế, tiết kiệm, nguyên tắc tối ưu hóa... Mặc dù đây không phải là những nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nhưng chúng ta cũng cần nghiên cứu và áp dụng trong thực tiễn.

2.3. Vận dụng học thuyết “tam quyền phân lập” trong tổ chức và hoạt động của nhà nước ta hiện nay.

2.3.1. Một số tư tưởng cốt lõi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN

Quan điểm của Hồ Chí Minh về nhà nước trong xã hội XHCN bao gồm nhiều mặt, trong đó chứa đựng những tư tưởng sâu sắc về nhà nước pháp quyền, đặc biệt là tư tưởng kết hợp biện chứng giữa hai yếu tố pháp luật và chính quyền, giữa pháp trị và đức trị.

** Nhà nước pháp quyền theo Hồ Chí Minh trước hết phải được tổ chức và hoạt động theo pháp luật, bảo đảm tính tối cao của pháp luật trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.*

Đó là một nhà nước hoàn toàn xa lạ với kiểu nhà nước cai trị đất nước và quản lý xã hội bằng quyền hành pháp của chính phủ, tùy tiện ra các sắc lệnh theo ý chí chủ quan và thuận tiện cho sự cai trị của mình chứ không phải là ý chí của nhân dân được đề lên thành luật, kiểu nhà nước mà trong đó chính quyền tự cho phép mình đứng ngoài, đứng trên pháp luật.

Từ rất sớm, trong “yêu sách của nhân dân An Nam” Hồ Chí Minh đã thể hiện tư tưởng pháp quyền qua yêu cầu “Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được hưởng những quyền bảo đảm về mặt pháp luật như người Âu châu... Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”. Tiếp theo đó, khi diễn ca bài “yêu sách của nhân dân An Nam” thành “Việt Nam yêu cầu ca” Nguyễn Ái Quốc đã viết:

“... Xin hiến pháp ban hành,

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”

Tư tưởng pháp quyền dân chủ, trên đây của Hồ Chí Minh đã thể hiện sâu sắc và cụ thể một yêu cầu của nền dân chủ mà cho đến nay không phải nước nào và ai cũng hiểu và làm được như vậy. Một nhà nước cai trị đất nước, quản lý xã hội không phải bằng pháp luật mà chỉ bằng các sắc lệnh, chỉ thị thì không thể gọi là một nhà nước dân chủ một nhà nước với quyền lập pháp bắt nguồn từ quyền lực thuộc về nhân dân được.

Nhà nước pháp quyền là nhà nước bị ràng buộc và hạn chế bằng pháp luật. Sự thống trị của pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội của một đất nước là đặc điểm cơ bản và quan trọng nhất của nhà nước pháp quyền. Đó là nhà nước tự đặt mình dưới luật, chỉ hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, tuân thủ các đạo luật do mình thông qua.

Đến năm 1926, trong yêu sách gửi Hội Vạn Quốc, Nguyễn Ái Quốc đề ra yêu sách “xây đắp một nền hiến pháp về phương diện chính trị và xã hội theo

những lý tưởng dân quyền”, coi đó là một nội dung cơ bản của nhà nước dân chủ và pháp quyền.

Ngay trong phiên họp đầu tiên củ Hội đồng chính phủ 3/9/1945 Hồ Chí Minh đã đề nghị chính phủ nhanh chóng thực hiện hai việc quan trọng là tổ chức tuyển cử và ban hành Hiến pháp. Người nói “trước chúng ta bị chế độ quân chủ chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ, chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ”. Đó là sự cố gắng phi thường của nhà nước ta trong lĩnh vực xây dựng và ban hành pháp luật. Hồ Chí Minh luôn tâm niệm: một xã hội không thể sống một ngày không có pháp luật. Do đó, Người đã hý một loạt các sắc lệnh cấp bách về bao đảm tự do cá nhân, bãi bỏ thuế thân, tịch thu tài sản của thực dân và việt gian, tổ chức tòa án và một số cá sắc lệnh cần thiết khác. Chủ tịch Hồ Chí Minh rõ ràng là người Việt Nam đầu tiên đặt nền móng cho một kiểu nhà nước mới – nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta.

Sau này, nội dung của một nhà nước pháp quyền được thể hiện khá rõ nét trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua các sắc lệnh mà người đã ký, qua các hoạt động thực tiễn của Người trong chỉ đạo hoạt động của bộ máy nhà nước và trong các bài phát biểu của Người. Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi tổ chức Đảng, chính quyền, quân đội, đoàn thể phải tuyệt đối tuân thủ pháp luật. Bản thân Người là một tấm gương về sự tuân thủ pháp luật của nhà nước và kỷ luật của Đảng. Xuất phát từ lợi ích của nhân dân, Hồ Chí Minh yêu cầu phải sử dụng pháp luật làm vũ khí trừng phạt thật nghiêm khắc những kẻ phạm tội, dù kẻ đó là ai, hiện đang nắm giữ chức vụ gì.

Trong Quốc lệnh năm 1946 do Người ký lệnh ban hành ghi rõ mười điều phải xử tử nếu: thông với giặc, phản quốc; trái quân lệnh; ra trận tự ý rút lui; tự ý phá hoại giao thông; phá hoại quân khí; để cho bộ đội hại dân; vô cớ sát hại kiều dân ngoại quốc; trộm cắp của công; hãm hiếp, cướp bóc; can tội bắt cóc, ám sát.

** Trong “phép trị nước” của Hồ Chí Minh, “đức trị”, “nhân trị” và “pháp trị” đều có vị trí quan trọng và phải được kết hợp chặt chẽ.*

Khoa học pháp lý hiện đại đã chứng minh rằng, xây dựng nhà nước pháp quyền là nhân mạnh vai trò của “pháp trị” song không nên đề cao một chiều đến mức tuyệt đối hóa vai trò của pháp luật, coi pháp luật là yếu tố duy nhất để điều chỉnh các quan hệ xã hội mà bỏ qua vai trò hỗ trợ của các quy tắc xã hội như: đạo đức, truyền thống, phong tục tập quán... Từ xưa tới nay, “đức trị” (hay “nhân trị”) và “pháp trị” vốn là hai dòng tư tưởng, hai khuynh hướng trong văn hóa trị nước của nhân loại. Hai cách thức này có khi đối lập và đấu tranh với nhau nhưng lại thường xuyên tác động và bổ sung cho nhau trong thực tế trị nước của các nhà cầm quyền. Những nhà chính trị sáng suốt thường không bao giờ tuyệt đối hóa vị trí độc tôn của phép trị nước này hay phép trị nước kia. Mạnh Tử thường khẳng định: “chỉ có nhân đức không đủ để cai trị, chỉ có một mình pháp luật tự nó cũng không thể thi hành được”. Qua kinh nghiệm thất bại của nhà Tần, vì coi nhẹ nhân đức, lạm dụng hình phạt tàn bạo, để mất lòng dân nên mất nước, Lưu Bang đã nghiệm ra rằng: ngồi trên mình ngựa có thể lấy được thiên hạ, nhưng muốn giữ được lâu bền ngôi báu trong thiên hạ thì phải được lòng dân; muốn thế, hình phạt nghiêm khắc thôi không đủ, phải có một tầng lớp quan cai trị được đào tạo, giáo dục tốt, có đủ đức hạnh và tài năng để có thể nêu được gương sáng cho dân cả về tri ân và hành luật.

Thật ra, giữa đạo đức và pháp luật có những điểm thống nhất với nhau, một số nhà tư tưởng cổ đại cho pháp luật và đạo đức là một: “Xét dưới góc độ chuẩn mực xã hội thì pháp luật là đạo đức tối thiểu còn đạo đức là pháp luật tối đa”. Pháp luật là đạo đức mang tính hình thức pháp lý, là phương tiện thực hiện ý tưởng nhân đạo của xã hội, thiếu các bài học đạo đức thì pháp luật sẽ trở thành vô nghĩa.

Ngược dòng lịch sử chúng ta thấy, mặc dù đường lối pháp trị của Hàn Phi Tử và đức trị của Khổng Tử là đối lập nhau nhưng cả hai đều có chung mục đích

duy trì một xã hội phong kiến có trật tự, kỷ cương, thái bình thịnh trị. Chính Khổng Tử cũng đã từng nói: “người quân tử quan tâm đến đức, còn kẻ tiểu nhân quan tâm đến đất cát; người quân tử quan tâm đến pháp độ, còn kẻ tiểu nhân thì quan tâm đến ơn huệ” (lược ngữ thiên lý nhân). Còn Phan Huy Chú nói rõ: “Hình là cái giúp cho công việc trị nước, tuy trong đạo chính trị nó không phải là cái đi trước, nhưng pháp luật để cấm dân làm bậy thì thánh nhân có bao giờ bỏ qua đâu”, vì vậy “công cụ trị nước tất phải có hình luật để răn điều gian dối và nghiêm sự cấm ngăn”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấu hiểu sâu sắc những bài học lịch sử quý báu trong kho tàng văn hóa trị nước của nhân loại và đã khéo léo vận dụng nó một cách sáng tạo và nhuần nhuyễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người mẫu mực của sự kết hợp hài hòa và hợp lý “đức trị” và “pháp trị” luôn chú trọng xây dựng một nền pháp lý vững mạnh ở Việt Nam trong khi không sao lãng sự nghiệp giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho nhân dân và cán bộ. Ngày nay, tư tưởng của Người về sự kết hợp biện chứng giữa “đức trị” và “pháp trị” tiếp tục soi sáng chúng ta trên con đường xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN.

** Một chính quyền mạnh và sáng suốt – theo Hồ Chí Minh – phải là một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân.*

Tư tưởng về xây dựng một chính quyền mạnh và sáng suốt là tư tưởng nhất quán và liên tục của Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó được đúc kết và thể hiện rõ trong Hiến pháp 1946, 1959 do Người trực tiếp chỉ đạo xây dựng. Bộ máy nhà nước của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa hướng vào các tiêu chuẩn: có một chính sách bầu cử phổ thông đầu phiếu trên cơ sở của tự do ứng cử và bầu cử; một quốc hội lập hiến và lập pháp rộng rãi, đại diện cho tiếng nói của quốc dân; một bộ máy nhà nước được phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, nhất là ở cấp trung ương; một hệ thống chính quyền nhân dân địa phương với tính độc lập của hội đồng nhân dân và bộ máy hành chính đứng đầu

là chính phủ; một nền hành chính mạnh, tập trung vô tư và khách quan, hết lòng phục vụ nhân dân; một nền tư pháp với nguyên tắc độc lập xét xử của thẩm phán, thực hiện công bằng và bình đẳng xã hội; một cơ chế kiểm soát quyền lực có hiệu quả trong xét xử do nhân dân thực hiện.

Một nhà nước pháp quyền như thế phải là một nhà nước hoàn toàn vì lợi ích của nhân dân. Hồ Chí Minh nói: “nước ta là một nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích là vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, chính quyền từ xã đến trung ương đều do dân cử ra”. Vì vậy, Người yêu cầu chính quyền phải ra sức phụng sự nhân dân, chịu trách nhiệm trước dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Người cho rằng, việc lớn nhất, quan trọng nhất của chính quyền là phải lãnh đạo, tổ chức nhân dân đấu tranh thực hiện cho bằng được mục tiêu: “dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”. Sự khác nhau về bản chất của kiểu nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh với kiểu nhà nước pháp quyền tư sản phương Tây là ở tính hiện hữu của cơ chế bảo đảm quyền lực trên thực tế thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước.

Đến thời đại cách mạng tư sản, vấn đề quyền lực nhà nước cũng được đặt ra với ý nghĩa: quyền lực nhà nước là của dân, dân là chủ thể tối thượng tuyệt đối và duy nhất của quyền lực nhà nước, nhưng đó vẫn chỉ mới là ý tưởng. Nhà nước vốn là của dân, nhưng trong thực chất không phải là của dân, nhà nước là của đa số nhưng trên thực tế vẫn là do một thiểu số thao túng, nói cai trị bằng pháp luật nhưng tiền của của những thế lực giàu có vẫn chi phối tất cả. Nhà nước bị tha hóa thành cái đối nghịch, đứng trên dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: nhà nước chỉ đúng là nhà nước của dân khi nó là nhà nước XHCN, trong XHCN nhà nước mới là công cụ của nhân dân, cán bộ của nhà nước là nô bộc của nhân dân. Với cương vị chủ tịch nước, Người đã từng hứa trước quân dân đồng bào: “Tôi có thể tuyên bố trước quốc hội rằng

chính phủ này là một chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc vì nhân dân”.

Nhà nước pháp quyền - theo Hồ Chí Minh – là một nhà nước thực sự dân chủ. Những ý tưởng về nhà nước pháp quyền dân chủ đã hình thành rất sớm ở Hồ Chí Minh. Trong quá trình hoạt động cách mạng ở nhiều nước, cùng với việc tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh còn nghiên cứu một cách khá hệ thống những trào lưu dân chủ tiến bộ trên thế giới để nhận rõ mặt tích cực và cả những hạn chế của nền dân chủ tư sản. Vận dụng vào Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng một nền dân chủ đích thực, dân chủ XHCN – một nền dân chủ cao hơn về chất so với dân chủ tư sản.

Khái niệm nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân ở Hồ Chí Minh không chỉ là khái niệm chung chung mà trở thành luận điểm cơ bản xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển nhà nước công nông, thành một nguyên tắc cơ bản hàng đầu trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Quyền lực của nhân dân thể hiện trước hết ở việc dân cử ra chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình bằng nhà nước và các tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng do mình lập ra, quản lý, kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước và nhân viên nhà nước.

** Nhà nước pháp quyền còn là một nhà nước của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam*

Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh hiểu rất sâu sắc tư tưởng của Lênin về vai trò của nhân tố dân tộc và đường lối giải phóng dân tộc. Đó là con đường cách mạng vô sản, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản phải nắm lấy ngọn cờ giải phóng dân tộc, gắn cách mạng dân tộc trong nước với phong trào cách mạng vô sản thế giới.

Trung thành với mục tiêu, lý tưởng cộng sản, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam trước hết là tư tưởng về một nhà nước mang tính dân tộc sâu sắc – nhà nước của khối đại đoàn kết dân tộc. Điều này thể hiện rất rõ qua hai bản Hiến pháp năm 1946 và 1959. Điều 1 Hiến pháp 1946 ghi rõ: “nước Việt Nam là một nước Dân chủ cộng hòa – tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Điều 3 – Hiến pháp 1959 ghi rõ: “nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, nhà nước có nghĩa vụ giữ gìn và phát triển sự đoàn kết giữa các dân tộc. Mọi hành vi khinh miệt, áp bức, chia rẽ dân tộc đều bị nghiêm cấm”. Sự sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất nhà nước là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các phạm trù dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân tộc và thời đại, dân chủ nhân dân và chuyên chính vô sản.

Từ những quan điểm trên của Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền, chúng ta có thể khái quát lại nhà nước pháp quyền Việt Nam mang những đặc trưng sau đây:

Thứ nhất, nhà nước pháp quyền Việt Nam là nhà nước gắn với bản chất nhà nước kiểu mới, đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Đây là đặc điểm quan trọng mà nhà nước pháp quyền tư sản không thể có được. Thực chất đặc trưng này của Nhà nước pháp quyền Việt Nam nhằm bảo đảm tính giai cấp, tính nhân dân của nhà nước ta. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và do nhân dân định đoạt, nhân dân quyết định phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành của bộ máy quyền lực nhà nước nhằm đáp ứng ngày càng cao lợi ích của nhân dân và toàn xã hội. Đây còn là sự thể hiện về tính ưu việt của chế độ xã hội so với các chế độ khác.

Thứ hai, là nhà nước bảo đảm tính tối cao của pháp luật, nhưng phải bảo đảm pháp luật đó là ý chí của nhân dân và phù hợp với yêu cầu khách quan, thúc

đẩy xã hội phát triển thành xã hội thực sự văn minh, công bằng, dân chủ - xã hội XHCN. Điều kiện và cơ chế bảo đảm bản chất và nội dung đó của pháp luật chỉ có thể là Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Không thể có tư tưởng về một nhà nước liên hiệp, phi giai cấp và “pháp luật tự nhiên trừu tượng”.

Thứ ba, đó là Nhà nước có hình thức tổ chức quyền lực thích hợp và cơ chế hữu hiệu giám sát sự tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền Việt Nam phải là Nhà nước mà mô hình tổ chức quyền lực của nó được tổ chức theo nguyên tắc tập trung thống nhất quyền lực, có sự phân công phân cấp rành mạch. Quyền lực Nhà nước trong Nhà nước ta là thống nhất, duy nhất, là biểu hiện của quyền lực nhân dân. Nhưng để bảo đảm hiệu quả và hiệu lực của quyền lực nhà nước phải vận dụng ý nghĩa hợp lý của “tam quyền phân lập” ở chỗ: giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp phải có sự phân công rõ ràng, rành mạch về chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm sự chủ động và trách nhiệm trong quá trình thực hiện những chức năng, nhiệm vụ đó. Đồng thời phải đảm bảo sự kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của cả bộ máy Nhà nước và toàn xã hội. Ngoài hệ thống kiểm tra, giám sát chuyên trách trong bộ máy Đảng và Nhà nước, sự kiểm tra, giám sát của nhân dân – trước hết là thông qua cơ quan đại biểu của mình – và tổ chức cho nhân dân trực tiếp thực hiện sự kiểm tra, giám sát đó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Thứ tư, Nhà nước pháp quyền Việt Nam phải phù hợp với đặc điểm, truyền thống, văn hóa và thực tiễn xã hội Việt Nam.

2.3.1. Nguyên tắc thống nhất quyền lực và phân công, phối hợp giữa các quyền trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta.

Tiếp tục quán triệt những quan điểm cơ bản của các Đại hội VI, VII về xây dựng và hoàn thiện nhà nước, Đại hội VIII của Đảng khẳng định: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà